| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 05/6/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Ông Huỳnh Tấn Phát.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Kim T**, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: - **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1969 (Có mặt).

- **Lê Văn C**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Võ Kim T trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên từ năm 2017 đến năm 2020, bà Võ Kim T có cho bà Nguyễn Thị L vay tiền nhiều lần, cụ thể các lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 24 tháng 6 năm 2017 (Âm lịch) bà Nguyễn Thị L vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Lần thứ hai: Ngày 01 tháng 12 năm 2017 (Âm lịch) vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Lần thứ ba: Ngày 01 tháng 10 năm 2018 (Âm lịch) vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Lần thứ tư: Sáng ngày 11 tháng 6 năm 2019 (Âm lịch) vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Lần thứ năm: Chiều ngày 11 tháng 6 năm 2019 (Âm lịch) vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Lần thứ sáu: Ngày 24 tháng 5 năm 2020 (Âm lịch) vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

Lần thứ bảy: Ngày 04 tháng 6 năm 2020 (Âm lịch) vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Các lần vay tiền, bên bà T và bà L thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể vào ngày nào, khi nào bên bà L có tiền thì trả lại cho bà T.

Tổng cộng 07 lần vay, bên bà Nguyễn Thị L vay của bà Võ Kim T số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi bên bà L nhận tiền vay thì đóng tiền lãi cho bà T một thời gian thì ngưng không đóng lãi nữa, số tiền đóng lãi bao nhiêu thì bà T không nhớ. Sau đó, bà T có gặp bà L nhiều lần để đòi số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) nhưng bà L không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Kim T vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14/3/2023, cụ thể yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả số tiền đã vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Do việc bà L vay nợ và ký tên vào giấy vay tiền, bên ông Lê Văn C không biết sự việc này. Do đó, bà Võ Kim T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho bà 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi. Bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn C về việc yêu cầu ông C liên đới với bà L trả nợ cho bà.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy vay tiền, BL số 5, 6, 7, 8, 9)

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2023, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L với bà Võ Kim T là bạn cùng xóm với nhau, trong thời gian

quen biết với nhau, bà L có vay của bà T nhiều lần tiền với tổng cộng là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay tiền của bà T là để cho người khác vay lại kiếm chênh lệch tiền lãi. Các lần bà L vay tiền của bà T, hai bên thỏa luận lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền vốn. Trong quá trình vay tiền, hai bên có lập giấy tay, đồng thời bà L có ký tên vào giấy vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà có đóng lãi cho bà T 3% mỗi tháng, bà đóng lãi với thời gian khoảng 02 năm, số tiền bà đóng lãi bao nhiêu không nhớ rõ, đồng thời bên bà T khi nhận tiền lãi không có ký tên nhận tiền lãi, khoảng 02 năm nay thì bà L lâm vào hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà không có tiền trả vốn gốc cũng như không có tiền đóng lãi

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L đồng ý trả cho bà Võ Kim T số tiền đã vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ bớt tiền lãi mà bà L đã đóng vào vốn gốc 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà L cũng không có tiền trả 01 lần cho nguyên đơn. Hiện tại, bà thiếu nợ rất nhiều chủ nợ, khi các chủ nợ khác khởi kiện thì phát mãi tài sản của bà để trả nợ cho tất cả chủ nợ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn Lê Văn C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 92, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T đối với ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho bà Võ Kim T số tiền nợ vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Võ Kim T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Do quan hệ quen biết giữa hai bên, nên bà Võ Kim T có cho bà Nguyễn Thị L vay 07 lần tiền, với tổng cộng số tiền vốn là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 3%/tháng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào bên bà L có tiền thì sẽ trả lại cho bà T, do đó đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên đã thống nhất được số tiền vốn vay, đồng thời bên bị đơn Nguyễn Thị L cũng đã thừa nhận có vay của bên bà T 07 lần, tiền với tổng số tiền vốn là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Kim T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463,466,469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu bà L trả tiền lãi số nợ trên.

[4] Đối với yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Kim T về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn C là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thị L về việc khấu trừ số tiền lãi mà bà L đã đóng cho bà T với thời gian đóng lãi khoảng 02 năm, tuy nhiên bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền đóng lãi là bao nhiêu, đồng thời bà L đã ngưng việc đóng lãi đến nay khoảng 02 năm, do đó yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thị L không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Bà Nguyễn Thị L cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn nên không có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn 01 lần, đến khi nào các chủ nợ khác khởi kiện thì phát mãi tài sản của bà để trả nợ cho tất cả chủ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, giải quyết. Các bên được quyền thỏa thuận và thi hành trong giai đoạn thi hành án.

[7] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể được tính như sau: 650.000.000 đồng X 5% = 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 92, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T đối với ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**2.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T đối với bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Kim T số tiền vay còn thiếu là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Võ Kim T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền án phí là 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự bà Võ Kim T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**